

NGHỊ QUYẾT

**Bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa,
đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo nghị quyết danh mục bổ sung các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 177/BC-BKTNS ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Dự án có sử dụng đất trồng lúa: 15 dự án với diện tích đất là 14,89 ha.

2. Dự án có sử dụng đất trồng rừng phòng hộ: 01 dự án với diện tích 04 ha.
 3. Dự án vừa sử dụng diện tích đất trồng lúa vừa sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ: 04 dự án với diện tích lần lượt là 10,1 ha và 7,27 ha.
 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo tiến độ thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đảm bảo việc sử dụng đất theo đúng quy định; thực hiện việc công bố, công khai thông tin về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Quá trình triển khai thực hiện thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án có liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, đề nghị thực hiện đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, công khai và có sự giám sát chặt chẽ; tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của nhân dân trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tránh tình trạng người dân khiếu nại, tố cáo; định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2022 và có hiệu từ ngày 25 tháng 4 năm 2022.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Vụ Pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Thái Bảo

PHỤ LỤC**Bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

STT	Tên công trình	Vị trí		Diện tích thu hồi đất (ha)	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)
1	Trường mầm non Hoa Hồng thị trấn Định Quán	thị trấn Định Quán	Định Quán	1.00	1.00	
2	Trường tiểu học Nguyễn Du	thị trấn Định Quán	Định Quán	1.10	1.10	
3	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	thị trấn Định Quán	Định Quán	1.30	1.30	
4	Trường mầm non Xuân Trường	Xuân Trường	Xuân Lộc	0.30	0.30	
5	Đường 774B (Tà Lài - Trà Cỏ)	Phú Hòa, Gia Canh	Định Quán	5.74	1.50	
6	Nâng cấp, sửa chữa đường 118 (đường 118 - Sông Đồng Nai)	Phú Vinh, Phú Tân	Định Quán	10.50	9.20	1.30
7	Kênh nội đồng Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn	Thanh Sơn	Định Quán	20.00	3.00	
8	Đường vành đai thị trấn Định Quán	thị trấn Định Quán	Định Quán	7.50	1.00	
9	Nâng cấp, sửa chữa đường Cầu Trắng	thị trấn Định Quán	Định Quán	7.70	0.20	0.01
10	Cầu Phước An kết nối với tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Phước An	Nhon Trạch	8.51		4.00
11	Kiên cố hóa tuyến kênh Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C)	Phước Thiện, Hiệp Phước, Long Thọ	Nhon Trạch	5.00	2.51	
12	Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	Cây Gáo, Thanh Bình	Trảng Bom	0.06	0.02	
13	Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sông Thao	Trảng Bom	1.20	0.11	
14	Đường dây 110Kv Định Quán 2-Vĩnh An	Thanh Bình	Trảng Bom	0.19	0.02	
15	Trạm 110kv Tân An và đầu nối	Tân An	Vĩnh Cửu	0.41	0.41	
16	Đường Hùng Vương - Trần Phú (Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến đường Chu Văn An)	thị trấn Gia Ray	Xuân Lộc	0.30	0.01	
17	Xây dựng hệ thống chống úng xã Xuân Hưng	Xuân Hưng	Xuân Lộc	0.71	0.11	
18	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm	Xuân Hưng, Xuân Tâm	Xuân Lộc	9.99	0.50	1.78

STT	Tên công trình	Vị trí		Diện tích thu hồi đất (ha)	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Huyện, thành phố		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)
19	Kênh cấp 2 nội đồng, hồ Gia Mãng	Xuân Tâm, Xuân Hiệp, Lang Minh	Xuân Lộc	6.58	2.50	
20	Nâng cấp mở rộng đường Xuân Thành - Trảng Táo	Xuân Thành, Xuân Trường	Xuân Lộc	6.72	0.20	4.18
	Tổng cộng			94.81	24.99	11.27